

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HS-ST

Ngày: 22-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.

2. Ông Bùi Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 242/2021/TB-TA, ngày 23 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn S**, sinh năm 1971, tại Tiền Giang; Nơi thường trú: Số A, đường N, Khu phố B, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Lê Văn A (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); Có vợ đã ly hôn, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/8/2020, bị Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang khởi tố bị can và bị truy nã về tội “Trộm cắp tài sản”. Tạm giữ ngày 19/4/2021, tạm giam ngày 28/4/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Phạm Thị Bích V, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cư trú: Số A, đường P, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Lê Minh T, sinh năm 1989 (vắng mặt). Cư trú: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Phạm Thị Bích V, sinh năm 1981, ngụ số A, đường P, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố C nhà ở gần trường tiểu học P nên xin Nhà trường cho để nhờ một cây mai bông vàng trong phần sân trường, nhà trường không có trách nhiệm trông giữ và bà V có thông tin là cần bán cây mai kiểng.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/4/2021, Lê Văn S biết thông tin có người cần bán cây mai nên điều khiển xe mô tô hiệu Dream biển số 70K9-4069 phía yên sau có gắn kệ chở hàng hóa đến trường P, S thấy 01 cây mai cao khoảng 01 mét đặt trong chậu, trong sân trường không có ai nên S vào nhổ cây mai ra khỏi chậu và đặt lên yên xe mô tô, dùng dây cố định cây mai rồi điều khiển xe chạy qua cầu Cao Lãnh, hướng về tỉnh Long An, khi đến thị trấn B, tỉnh Long An để tìm người bán lại. S sử dụng điện thoại di động có sim số 0794.940.574 liên hệ với số điện thoại 0933.441.788 của Lê Minh T, sinh năm 1989, ngụ Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Long An kêu bán cây mai vừa trộm được với số tiền 12.000.000 đồng. T không biết là tài sản trộm nên đồng ý mua và mang cây mai về nhà tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Long An trồng trong vườn nhà.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, bà Phan Thị Bích V là chủ cây mai phát hiện bị mất trộm nên trình báo Công an Phường D, thành phố C. Do gia đình biết được vụ trộm nên khuyên S đi trình báo. Ngày 19/4/2021, Lê Văn S đến Công an thành phố C đầu thú về hành vi trộm cắp cây mai.

Ngày 20/4/2021, Cơ quan điều tra Công an thành phố C đến nhà Lê Minh T thu giữ cây mai S bán cho T. Bà V được tiến hành nhận dạng đúng cây mai bị mất trộm, Ngày 22/4/2021, bà V đã nhận cây mai và không yêu cầu xử lý hình sự, bồi thường dân sự.

Theo kết luận định giá số 33/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C kết luận 01 cây mai bông vàng có kích thước hoành đế 163cm, hoành gốc 60cm, cao 103 cm, tán rộng 90cm có giá 20.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra thu giữ: 01 xe mô tô kiểu dáng Dream gắn biển số 70K9-4069, số máy 1P50FMG310740697; 01 điện thoại di động hiệu Samsung bị vỡ kính màn hình đã qua sử dụng; 01 điện thoại hiệu OPPO đã qua sử dụng; 01 mũ lưỡi trai màu trắng; 01 mũ bảo hiểm; 01 khẩu trang bằng vải; 01 đôi dép Doctor màu đen tất cả đều đã qua sử dụng. Ngày 14/7/2021, trả lại cho S 01 điện thoại Samsung; 01 điện thoại hiệu OPPO hai điện thoại này của S không sử dụng liên hệ bán mai cho T; 01 mũ lưỡi trai màu trắng; 01 mũ bảo hiểm; 01 khẩu trang bằng vải; 01 đôi dép Doctor màu đen như đã thu giữ.

Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Dream sơn màu nâu gắn biển số 70K9-4069, số máy 1P50FMG310740697; số khung LF3XCG0A2YAA10740697, căn cứ kết luận số 620/KL-KTHS ngày 18/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận số máy và số khung trên không bị thay đổi và không có dấu

liệu tra cứu. Biển số 70K9-4069 chủ sở hữu đăng ký xe là Lê Thị Thu H, sinh năm 1967, ngụ Tổ A, ấp T, xã TM, huyện D, tỉnh Tây Ninh, tra cứu xe không báo bị chiếm đoạt mất cắp. Xe trên do S mua trong vụ phé liệu không có biển số, S nhặt biển số gắn vào. Xe không có đăng ký chủ sở hữu hợp pháp và S sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

Đối với anh Lê Minh T mua cây mai của Lê Văn S trộm cắp mà có nên bị thu hồi trả lại cho bà Phạm Thị Bích V. Khi mua cây mai anh T không biết tài sản do bị cáo S trộm. Anh Lê Minh T yêu cầu Lê Văn S bồi thường lại cho anh T số tiền 12.000.000 đồng, là số tiền mua cây mai của S.

Đối với điện thoại S sử dụng liên hệ bán cây mai cho T bị đánh rơi trong quá trình di chuyển, S không nhớ bị rơi mất ở khu vực nào nên không tìm kiếm được.

Ngoài hành vi phạm tội như đã nêu trên, Lê Văn S còn bị khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” hiện Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang đang thụ lý điều tra theo quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can ngày 07/10/2020 áp dụng biện pháp bắt bị can để tạm giam nhưng chưa bắt được nên ra lệnh truy nã bị can Lê Văn S. Do thời hạn điều tra vụ án này sắp hết hạn và tình hình dịch bệnh Covid-19 hiện tại diễn biến phức tạp, trong thời gian giãn cách xã hội để phòng, chống dịch nên không tiến hành nhập vụ án để xử lý chung.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 77/CT-VKS-TPCL ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh truy tố bị cáo Lê Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá, lời khai người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/4/2021, Lê Văn S có hành vi lén lút trộm cắp 01 cây mai bông vàng trị giá 20.000.000 đồng của Phạm Thị Bích V tại Trường tiểu học P thuộc Tổ B, Khóm C, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Sau đó S đem bán cây mai lại cho Lê Minh T và lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với tội danh mà cáo trạng đã truy tố; bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Văn S là người đã thành niên, đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp người khác; lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 cây mai bông vàng trị giá 20.000.000 đồng của bị hại là bà Phạm Thị Bích V đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho rằng bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đã truy tố là có căn cứ.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....”

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn gây ảnh hưởng xấu

đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có thời gian học tập, cải tạo, trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời cũng có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Anh Lê Minh T yêu cầu bị cáo S bồi thường cho anh T số tiền 12.000.000 đồng là tiền anh T đưa cho S khi mua lại cây mai. Tại phiên tòa, bị cáo S đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh T. Xét thấy, sự tự nguyện của bị cáo là phù hợp pháp luật nên chấp nhận và bị cáo Lê Văn S phải bồi thường cho anh Lê Minh T số tiền 12.000.000 đồng.

Đối với bị hại là Phạm Thị Bích V đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô kiểu dáng Dream sơn màu nâu gắn biển số 70K9-4069, số máy 1P50FMG310740697; số khung LF3XCG0A2YAA10740697 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, do bị cáo S mua ở chợ phế liệu không có biển số, S nhặt biển số gắn vào. Biển số 70K9-4069 chủ sở hữu đăng ký xe là Lê Thị Thu H, sinh năm 1967, ngụ Tổ A, ấp T, xã TM, huyện D, tỉnh Tây Ninh, qua tra cứu xe không có tin báo bị chiếm đoạt hay mất cắp và xe không có đăng ký chủ sở hữu hợp pháp và bị cáo S đã sử dụng vào việc phạm tội.

Ngày 14/7/2021, Cơ quan Điều tra trả lại cho S gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung bị vỡ kính màn hình đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO đã qua sử dụng; 01 mũ lưỡi trai màu trắng đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm màu đen đã qua sử dụng; 01 khẩu trang bằng vải sọc caro màu tím đã qua sử dụng; 01 đôi dép Doctor màu đen nâu đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của S không liên quan đến việc phạm tội là phù hợp.

[5] Về các vấn đề khác: Đối với Lê Minh T mua cây mai của S trộm cắp mà có, anh T không biết đây là tài sản do bị cáo S trộm cắp nên Cơ quan Điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/4/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn S bồi thường cho anh Lê Minh T số tiền 12.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô kiểu dáng Dream sơn màu nâu gắn biển số 70K9-4069, số máy 1P50FMG310740697; số khung LF3XCG0A2YAA10740697 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Hiện vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/8/2021).

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKDND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Thọ